TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/DS - PT
Ngày: 01 - 3 - 2018.
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

Bà Trần Thị Thúy Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thành Luân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bé Tư, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLPT- DS, ngày 17 tháng 01 năm 2018. Về việc tranh hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2017/DS-ST, ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2018/QĐ - PT, ngày 22 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty V. Địa chỉ: Toà nhà R, số E, đường Đ, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Bằng G – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền T. Trưởng phòng Thu hồi nợ pháp lý – Trung tâm thu hồi nợ - Khối quản trị rủi ro – Công ty V (theo văn bản ủy quyền số: 14/UQ-QTRR.17, ngày 22/03/2017; vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1976; cư trú tại: Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty V, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn công ty V trình bày: Ngày 02/12/2015 bị đơn anh Phạm Văn Q có ký: Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (gọi tắt là: Hợp đồng tín dụng) số 20151202-126003-0004 với công ty V, vay số tiền 11.222.938đ, lãi suất 4,58%/tháng. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận của hợp đồng anh Q có trách nhiệm thanh toán số tiền 20.866.000đ (gồm gốc và lãi), hình thức trả góp liên tiếp trong 30 tháng (30 kỳ), 29 kỳ đầu mỗi kỳ trả 696.000đ, kỳ cuối cùng trả 682.000đ, thanh toán vào ngày 03 hàng tháng. Bắt đầu thanh toán từ ngày 03/01/2016. Sau khi vay anh Q có trả tiền vay cho công ty V 05 kỳ được số tiền 3.480.000đ. Kể từ kỳ thứ 6 thì ngưng không trả tiếp, nay hợp đồng đã trễ hạn nhưng anh Q không trả. Nên đại diện công ty V yêu cầu anh Q trả số tiền 16.547.469đ *{gồm nợ gốc và lãi đến hạn tính từ kỳ góp thứ 6 ngày 03/6/2016 đến kỳ góp 22 ngày 03/10/2017 + 07 ngày tiếp theo tức tính đến 11/10/2017 là: Nợ gốc đến hạn 5.662.766đ, nợ lãi đến hạn 6.319.749đ và nợ gốc chưa tính lãi từ kỳ góp thứ 23 (ngày 12/10/2017) đến kỳ góp 30 (ngày 03/6/2018) là 4.564.954đ}* đồng thời tính tiền lãi chậm thanh toán phát sinh trên số dư nợ gốc đến hạn chưa thanh toán theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Q, Tòa sơ thẩm đã triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2017/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty V.

- Buộc anh Phạm Văn Q trả Công ty V số tiền 11.897.500đ.

- Án phí:

+ Buộc anh Phạm Văn Q nộp 595.000đ.

+ Buộc Công ty V nộp 232.500đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0008617 Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh ngày 18/4/2017. Còn lại trả nguyên đơn 179.500đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất, quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

- Ngày 13/10/2017 nguyên đơn công ty V do ông Lê Hiền T làm đại diện có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2017/DS-ST ngày 11/10/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty V. Buộc anh Q trả công ty V số tiền 16.547.469đ, đồng thời tính tiền lãi chậm thanh toán phát sinh trên số dư nợ gốc đến hạn chưa thanh toán theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký như đã nêu trên.

Ngày 07/02/2017 đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn công ty V ông Lê Hiền T có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn anh Phạm Văn Q được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đều vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm. Đối với nguyên đơn công ty V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn Q được toà triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng đều vắng mặt không lý do nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn công ty V và anh Q là đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Đối với kháng cáo của nguyên đơn công ty V là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn công ty V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngày 02/12/2015 bị đơn anh Phạm Văn Q có ký: Hợp đồng tín dụng số 20151202-126003-0004 với công ty V, vay số tiền 11.222.938đ, lãi suất 4,58%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Vì thế, Toà sơ thẩm xác định đây là vụ án dân sự: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại cấp phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn công ty V anh Lê Hiền T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt ngày 07/02/2018; bị đơn anh Phạm Văn Q được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[1] Xét, Hợp đồng tín dụng số: 20151202-126003-0004 ký ngày 02/12/2015 giữa nguyên đơn công ty V với bị đơn anh Phạm Văn Q mặc dù mức lãi suất theo thoả thuận là 4,58%/tháng, song do đây là hợp đồng phát sinh trong trường hợp có 02 văn bản quy phạm pháp luật cùng do Quốc hội ban hành và

đang cùng có hiệu lực thi hành mà có quy định khác nhau về cùng một vấn đề là lãi suất, đó là quy định về lãi suất tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và quy định về lãi suất tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 Tòa áp dụng văn ban quy phạm pháp luật ban hành sau đó là áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật các tổ chức tín tụng năm 2010 để giải quyết. Theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"* và Điều 1 Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước. Hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng quy định: *"Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả"*.

Từ các quy định của pháp luật nêu trên, nên việc công ty V cho anh Q vay theo hợp đồng tín dụng số 20151202-126003-0004 ký ngày 02/12/2015, với mức lãi suất thoả thuận 4,58%/tháng là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, việc Toà sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của công ty V với mức lãi suất 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là áp dụng pháp luật không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và cũng áp dụng pháp luật không đúng theo quy định tại khoản 1, điểm a, đoạn 2 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 *(Điều khoản chuyển tiếp)* vì đây là: *Giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực và giao dịch dân sự này đang được thực hiện mà có nội dung, hình thức khác với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Nên nếu có áp dụng Bộ luật dân sự để điều chỉnh lãi suất thì phải áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 để điều chỉnh và khi đó mức lãi suất do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*. Cho nên, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn công ty V, buộc anh Q trả nguyên đơn công ty V số tiền 16.547.469đ *{gồm nợ gốc và lãi đến hạn tính từ kỳ góp thứ 6 ngày 03/6/2016 đến kỳ góp 22 ngày 03/10/2017 + 07 ngày tiếp theo tức tính đến 11/10/2017 là: Nợ gốc đến hạn 5.662.766đ, nợ lãi đến hạn 6.319.749đ và nợ gốc chưa tính lãi từ kỳ góp thứ 23 (ngày 12/10/2017) đến kỳ góp 30 (ngày 03/6/2018) là 4.564.954đ}* đồng thời tính tiền lãi chậm thanh toán phát sinh trên số dư nợ gốc đến hạn chưa thanh toán theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

[2] Về lãi suất chậm thi hành án Toà sơ thẩm tuyên: *"Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa trả đủ số tiền nêu trên thì phải có nghĩa vụ trả lãi đối với phần chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015"*. Cũng là không đúng, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số: 03/2015/NQ-HĐTP ngày 28/10/2015 của Hội đồng

Thẩm phán Toà án nhân dân tối thì: *Khi xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm phải nghiên cứu, áp dụng án lệ để giải quyết các vụ việc tương tự; bảo đảm những vụ việc có tình tiết, sự kiện pháp lý tương tự phải được giải quyết như nhau. Trường hợp không áp dụng án lệ thì phải phân tích, lập luận, nêu rõ lý do trong bản án, quyết định của Toà án*.

Theo Án lệ số: 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số: 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *"Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: Lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay"*.

Vì vậy, theo quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 92 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và theo Án lệ số: 08/2016/AL, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn công ty V buộc anh Q tiếp tục trả tiền lãi chậm thanh toán phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày tiếp theo là ngày 12/10/2017 đến khi thanh toán xong nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số: 20151202-126003-0004, ký ngày 02/12/2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên tính lại án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể:

- Nguyên đơn công ty V không phải nộp án phí, hoàn trả nguyên đơn công ty V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 412.000đ (bốn trăm mười hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008617 ngày 18/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

- Anh Phạm Văn Q có nghĩa vụ nộp án phí giá ngạch 5% của số tiền phải trả theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, án phí anh Q phải nộp là 16.547.469đ x 5% = 827.373đ, làm tròn 827.000đ (tám trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

[4] Từ các viện dẫn trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn công ty V, sửa án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326 thì người kháng cáo nguyên đơn công ty V không phải chịu án phí, hoàn trả nguyên đơn công ty V số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008874 ngày 23/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 147, 148; khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; đoạn 2 điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn công ty V, sửa án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty V. Buộc bị đơn anh Phạm Văn Q trả nguyên đơn công ty V số tiền 16.547.469đ lấy tròn 16.547.500đ (mười sáu triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng), *{gồm nợ gốc và lãi đến hạn tính từ kỳ góp thứ 6 ngày 03/6/2016 đến kỳ góp 22 ngày 03/10/2017 + 07 ngày tiếp theo tức tính đến 11/10/2017 là: Nợ gốc đến hạn 5.662.766đ, nợ lãi đến hạn 6.319.749đ và nợ gốc chưa tính lãi từ kỳ góp thứ 23 (ngày 12/10/2017) đến kỳ góp 30 (ngày 03/6/2018) là 4.564.954đ}* và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày tiếp theo là ngày 12/10/2017 đến khi thanh toán xong nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 20151202-126003-0004 ký ngày 02/12/2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn công ty V không phải nộp án phí, hoàn trả nguyên đơn công ty V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 412.000đ (bốn trăm mười hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008617 ngày 18/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh; bị đơn anh Phạm Văn Q phải nộp án phí là 827.000đ (tám trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn công ty V không phải chịu án phí, hoàn trả nguyên đơn công ty V số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008874 ngày 23/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC. Tại TP.HCM;
- VKSND T.VL;
- TAND. Tx. Bình Minh;
- Chi cục THADS. Tx. Bình Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS; Tổ HC-TP, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tửu